

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh.

Công ty : Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.
Mã chứng khoán : GSP.
Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.
Điện thoại : 028 222 05388, Fax: 028 222 05367.
Người CBTT : Ông Lê Anh Nam.
Địa chỉ : Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.
Điện thoại : 028 222 05388.
Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ.

Nội dung thông tin công bố:

Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/NQ-VTSPK-HĐQT ngày 15/01/2021 về việc “Thông qua nhiệm vụ và các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021”.

Đồng thời Nghị quyết HĐQT trên cũng được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 15/01/2021 tại đường dẫn <http://www.gasshipping.com.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin-du-lieu-1>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2021
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Lưu: VT, TCKT(1b).

Đính kèm:

- Nghị quyết HĐQT.



Lê Anh Nam

Số: 02/NQ-VTSPK-HĐQT.

Tp.HCM, ngày 15 tháng 01 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về việc: **Phê duyệt Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2021.**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ Quy chế quản lý tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí quốc tế;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của HĐQT và sự phối hợp giữa HĐQT, BKS và Giám đốc Công ty ban hành kèm theo NQ số 31/NQ-VTSPK-HĐQT ngày 26/6/2020;
- Xét đề nghị của Giám đốc công ty tại Tờ trình số 01/TTr-VTSPK ngày 07/01/2021 về Phê duyệt Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty;
- Căn cứ Biên bản tổng hợp ý kiến Thành viên HĐQT số 01/BB-VTSPK-HĐQT ngày 15/01/2021 của HĐQT Công ty.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua nhiệm vụ và các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế như nội dung tại Phụ lục 01 đính kèm.

Điều 2: Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Giám đốc và Các phòng chức năng Công ty chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ và các chỉ tiêu Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2021, tuân thủ pháp luật của Nhà nước, Điều lệ và các Quy chế quản lý của Công ty.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TV HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Lưu VT, TK. HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Trang 1/3

Mai Thế Loan

Phụ lục 01
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

(Kèm theo Nghị quyết số .02...../NQ-VTSPK-HĐQT, ngày .15. tháng .01. năm 2021)

I. Nhiệm vụ năm 2021:

- Sắp xếp, bố trí phương tiện vận tải một cách tối ưu, tiếp tục duy trì cơ chế phối hợp và xây dựng kế hoạch khai thác cụ thể với Công ty Cổ Phần Vận Tải Nhật Việt nhằm giữ vững thị trường vận tải LPG nội địa. Kết hợp vận chuyển trong nước và quốc tế để gia tăng hiệu quả của đội tàu Công ty.
- Thực hiện tốt vai trò đầu mối huy động phương tiện vận tải đường thủy và đường bộ vận chuyển sản phẩm LPG của Nhà máy GPP Cà Mau.
- Duy trì kinh doanh các loại hình dịch vụ khác trên cơ sở đảm bảo hiệu quả, bảo toàn vốn, kiểm soát chặt chẽ công nợ.
- Tăng vốn điều lệ theo đúng quy định của pháp luật để chuẩn bị đủ nguồn vốn thực hiện dự án đầu tư, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn.
- Nâng cao công tác quản lý, quản trị tại đơn vị, đặc biệt tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật. Thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí quản lý kỹ thuật, hao hụt hàng hóa trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Duy trì được SIRE với các chủ hàng lớn (Oil Majors) đáp ứng yêu cầu khai thác trên thị trường quốc tế. Sẵn sàng đánh giá DOC bổ sung cho loại tàu mới.
- Tổ chức sửa chữa định kỳ (SS) các tàu Cửu Long Gas, Sài Gòn Gas, Thăng Long Gas, Đà Nẵng Gas đảm bảo đúng tiến độ, tiết kiệm chi phí và phù hợp với tình hình khai thác.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý điều hành, rà soát nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo, tuyển dụng để bổ sung nguồn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm đồng thời nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên để đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị.
- Tăng cường công tác kiểm tra/kiểm soát, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, đảm bảo không để phát sinh công nợ khó đòi, không để phát sinh những khoản nợ xấu.
- Cập nhật và thực hiện nghiêm túc các giải pháp ứng phó với dịch bệnh COVID-19 nhằm duy trì các hoạt động SXKD diễn ra liên tục nhưng vẫn đảm bảo an toàn sức khỏe của CBCNV, thuyền viên.
- Xây dựng và chuẩn hóa môi trường làm việc theo hướng chuyên nghiệp trong toàn công ty. Tiếp tục xây dựng văn hoá doanh nghiệp công ty gắn với văn hóa doanh nghiệp của PVTrans và Petrovietnam.
- Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội do Tập đoàn và Tổng Công ty phát động. Đảm bảo công ăn việc làm, cải thiện nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho NLĐ trong công ty.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Công ty giao.

530
TY
AN
N PHA
C TẾ
CHI

II. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
	Vốn điều lệ	560.000	360.000	360.000	360.000	560.000
	Tỷ lệ tham gia của TCT	67,74%	67,74%	67,74%	67,74%	67,74%
I	Tổng doanh thu	1.300.000	310.256	307.364	298.175	384.205
1	Từ dịch vụ vận tải	647.293	145.877	143.548	135.547	222.321
1.1	Vận tải sản phẩm khí	603.986	135.050	132.721	124.720	211.495
1.2	Vận tải đường bộ	43.307	10.827	10.827	10.827	10.826
3	Từ dịch vụ thương mại	646.263	161.566	161.566	161.566	161.565
4	Từ hoạt động tài chính	6.444	2.813	2.250	1.062	319
II	Tổng chi phí	1.235.000	293.365	290.749	289.570	361.316
1	Giá vốn hàng bán	1.157.050	279.196	275.884	274.576	327.394
1.1	Dịch vụ vận tải	512.151	117.971	114.659	113.351	166.170
	- Vận tải sản phẩm khí	470.499	107.558	104.246	102.938	155.757
	- Vận tải đường bộ	41.652	10.413	10.413	10.413	10.413
1.2	Dịch vụ thương mại	644.899	161.225	161.225	161.225	161.224
2	Chi phí hoạt động tài chính	27.013	3.210	3.074	2.888	17.841
	- Chi phí lãi vay	19.173	2.010	1.899	1.787	13.477
	- Chênh lệch tỷ giá	7.840	1.200	1.175	1.101	4.364
3	Chi phí bán hàng	10.303	2.026	1.926	2.326	4.025
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	40.634	8.933	9.865	9.780	12.056
III	Lợi nhuận trước thuế	65.000	16.891	16.615	8.605	22.889
IV	Lợi nhuận sau thuế	52.000	13.513	13.292	6.884	18.311
V	Các khoản phải nộp NSNN	15.018	3.696	3.723	2.121	5.478

